

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
Khoa Xã hội và Nhân văn

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Hành vi con người và môi trường xã hội		
Mã học phần:	71SOWK10023	Số tín chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	231_71SOWK10023_01		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Quy ước đặt tên file đề thi:
+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 3

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng được các kiến thức về môi trường xã hội và hành vi con người để nghiên cứu và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực CTXH	Tự luận		1	4	
CLO2	Phát hiện khả năng thích ứng và thay đổi từ thân chủ thông qua việc phân tích các yếu tố từ tâm lý, môi trường xã hội tác động đến hành vi con người.	Tự luận		2	3	
CLO3	Phối hợp với nhóm đa ngành và các bên liên quan nhằm làm việc với, cá nhân, nhóm hiệu quả theo kế hoạch.	Tự luận		2	3	

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Câu hỏi 1: (4 điểm)

Anh, chị hãy lý giải tại sao nhóm có ảnh hưởng đến hành vi cá nhân?

Câu hỏi 2: (6 điểm)

Anh, chị hãy phân tích đặc điểm giao tiếp của độ tuổi thiếu niên (12-16 tuổi). Với vai trò là nhân viên Công tác xã hội trong trường học, anh/chị có thể làm gì để hỗ trợ các học sinh ở độ tuổi này giao tiếp hiệu quả trong môi trường học đường?

ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Tự luận			
Câu 1	Tại sao nhóm có ảnh hưởng đến hành vi cá nhân	4.0	
a.	Vai trò, vị trí và địa vị cá nhân trong nhóm	0.5	
b.	Chuẩn mực nhóm	0.5	
b.	Áp lực của nhóm	0.5	
d.	Ảnh hưởng của thiểu số, đa số trong nhóm	0.5	
e.	Cố kết nhóm	0.5	
f.	Xung đột nhóm	0.5	
g.	Nêu được ví dụ minh họa	1.0	
Câu 2	Phân tích đặc điểm giao tiếp của độ tuổi thiếu niên (12-16 tuổi). Với vai trò là nhân viên Công tác xã hội trong trường học, anh/chị có thể làm gì để hỗ trợ các học sinh ở độ tuổi này giao tiếp hiệu quả trong môi trường học đường?	6.0	
a.	Phân tích đặc điểm giao tiếp của độ tuổi thiếu niên	2.0	
a.1	Cảm giác mình là người lớn	0.5	
a.2	Mong muốn hạn chế quyền kiểm soát của người lớn và mở rộng quyền hạn của bản thân, tự chủ trong các hành vi ứng xử và các quyết định của mình trong cuộc sống	0.5	
a.3	Hoạt động giao tiếp đa dạng về nội dung, hình thức, tính chất và các mối quan hệ	0.5	
a.4	Dễ xúc động, vui buồn chuyển hóa dễ dàng, tình cảm còn mang tính bùng bột, hang say, dễ bị kích động	0.5	
b.	Với vai trò là nhân viên Công tác xã hội trong trường học, anh/chị có thể làm gì để hỗ trợ các học sinh ở độ tuổi này nâng cao giao tiếp của mình trong môi trường học đường?	4.0	
b.1	Thể hiện các nhu cầu chính đáng của bản thân trước các đối tượng giao tiếp	0.5	
b.2	Tôn trọng nhu cầu của đối tượng giao tiếp	0.5	
b.3	Tin tưởng thầy cô và tìm đến họ khi cần họ trợ giúp	0.5	
b.4	Nâng cao kỹ năng giao tiếp với thầy cô giáo, bạn bè	0.5	
b.5	Tìm kiếm các mối quan hệ bạn bè lành mạnh để có thể giúp đỡ nhau về tinh thần lẫn trong học tập.	1.0	
b.6	Nâng cao khả năng kiểm soát cảm xúc, để tránh những tình huống kích động xảy ra các việc ngoài ý muốn.	1.0	

	Điểm tổng	10.0	
--	------------------	-------------	--

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2023

Giảng viên ra đề

Người duyệt đề



Kiều Văn Tu



Phan Thị Kim Liên